

HOA NÔNG NỈ CHỒ

Bổa an :An Chính
Nổ tuoi :Mau giao
Tong số tre :299

sang; Chao tôm tồi thòt rau đen
Sổa grow
Trổa : Côm ca ba sa chien bot gion. canh cai
bò xoi thòt heo nác
Mon xao: ñau cove, ca rot
Xe: sổa Grow
Xe chieu: Sup cua tồi thòt ca rot trổng ga
trổng cut nam tuyet ngo rí

So Tien Tren Moi Tre 37015				
STT	Ten thóc phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
	*CHỒ			
1	Rạm (múi)	2,000	1,060	21,200
2	Cà ba sa	13,000	13,550	1,761,500
3	Cua ghe	1,300	91,850	1,194,050
4	Tôm biển	3,200	34,970	1,119,040
5	Nước mắm Cà (loại 1)	3,000	5,940	178,200
6	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
7	Nông cat	3,000	3,880	116,400
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Gạo tẻ máy	25,000	2,630	657,500
10	Bột mì tinh	3,000	3,710	111,300
11	Hạnh lã	1,500	5,360	80,400
12	Hạnh củ tồi	1,000	5,780	57,800
13	Cà rot	6,000	5,460	327,600
14	Rau ngo (Rau mùi)	100	8,820	8,820
15	Cải bó xoi	7,000	8,510	595,700
16	Ñau cò ve (tồi)	4,000	5,150	206,000
17	Rau đen	2,500	4,100	102,500
18	Nam tuyết*	500	42,900	214,500
19	Thòt lòn nác	5,500	18,060	993,300
20	Trổng cut	3,200	13,000	416,000
21	Bột trổng	4,000	4,730	189,200
22	Trổng ga toan phan	3,000	4,400	132,000
Cong				8,710,110
	*XUẤT KHO			
23	Sổa bot Abbot Grow	11,500	20,500	2,357,500
Cong				2,357,500
Tong tien thóc phẩm				11,067,610 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tien ñôc chi trong ngay				11063000(ñ)
So dô ñau ngay				0(ñ)
So dô cuoi ngay				-4610(ñ)
Xuất ăn luy ke tồ ñau thang				
Tieu chuan luy ke tồ ñau thang				
Tien chi luy ke tồ ñau thang				